

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 51/2023/DS-ST

Ngày: 18 - 9 - 2023

V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Công Đạt;

2. Ông Nguyễn Ngọc Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:
Ông Y Đum Kpă – Kiểm sát viên.

Ngày 18/9/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 370/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST-DS ngày 28/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Th; Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Y H Niê, bà H B Niê; Có mặt.

Địa chỉ: Buôn Mùi 3, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Người phiên dịch cho bị đơn: Ông Y Mung Niê – Đội công tác 253 xã Cư Pong.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Th trình bày: Do quen biết nên vợ chồng ông Y H Niê, bà H B Niê có nợ tiền của gia đình tôi từ năm 2011, số tiền 188.600.000 đồng để mua rẫy và chăm sóc cà phê; đến năm 2013 vẫn không trả được nợ nên hai bên chốt lại số nợ gốc là 188.600.000 đồng để tính lãi và chia

thành các năm cho trả dần; khoản nợ này do tôi đứng ra giải quyết và ông Y H, bà H B nhận nợ với tôi. Tuy nhiên, ông Y H Niê, bà H B Niê không thực hiện việc trả nợ đầy đủ cho tôi hàng năm. Ngày 17/10/2022 tôi có đến nhà ông Y H Niê, bà H B Niê và sau khi hai bên tính toán, đối chiếu công nợ chúng tôi đã thống nhất số nợ còn lại là 316.197.000 đồng, hẹn trả ngày 23/10/2022 trả. Tuy nhiên, cho đến nay ông Y H Niê, bà H B Niê vẫn chưa trả nên tôi khởi kiện. Đến ngày 23/12/2022 ông Y H Niê, bà H B Niê có cân cả phê trả cho tôi quy thành tiền là 18.688.000 đồng; nên sau khi trừ số tiền mới trả này thì ông Y H Niê, bà H B Niê còn phải trả cho tôi số tiền nợ gốc là 297.509.000 đồng, nợ lãi với lãi suất 1%/tháng theo quy định của pháp luật.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà H B Niê trình bày: Từ năm 2013, vợ chồng tôi có nợ tiền của gia đình bà Nguyễn Thị Kim Th – Đại lý Á trước đây; sau đó vợ chồng tôi hàng năm đều trả nợ có nhà bà Th, trả bằng cả phê; đến ngày 17/10/2022 có tính lại số gốc và lãi sau khi trừ đi số lượng cả phê đã trả được thì vợ chồng tôi còn nợ của bà Th tổng số tiền 316.197.000 đồng cả gốc và lãi; chúng tôi đồng ý trả. Mùa năm nay ngày 23/12/2022 vợ chồng tôi đã trả cho bà Th được 18.688.000 đồng; Số nợ còn lại do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng tôi không phải là không trả mà năm nào cũng trả; có bao nhiêu cả phê thì trả bấy nhiêu. Chúng tôi xin trả dần, mỗi năm từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng, trả vào tháng 12 hàng năm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 330.111.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và các tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Y H Niê, bà H B Niê phải trả số tiền 307.277.000 đồng; Trong đó: Nợ gốc là 297.509.000 đồng, nợ lãi là 28.456.000 đồng (lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 01/10/2022) và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 02/10/2022 cho đến khi trả xong nợ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Toà án triệu tập đến Toà án để tham gia hoà giải, đối chất nhưng bị đơn không hợp tác nên nguyên đơn yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký, dấu vân tay của bị đơn so với chữ ký, dấu vân tay người vay tiền trong Giấy vay tiền chăm sóc và mua rẫy ngày 17/10/2022. Tại Kết luận giám định số 644/KL-KTHS ngày 14/6/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

“1. Chữ viết có nội dung “Y H NIÊ” tại trang thứ hai,, dòng thứ 17 từ trên xuống trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết tên Y H Niê; Y H trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, M2 là do cùng một người viết ra.

2. Các dấu vân tay kí hiệu A1.1 và A1.2 trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1 bị lem, mờ không thể hiện rõ các đặc điểm, không đủ yếu tố để tiến hành giám định”.

Căn cứ vào Kết luận giám định và lời khai của bị đơn bà H B Niê, Hội đồng xét xử xác định vào ngày 17/10/2022 giữa bà Th và ông Y H Niê, bà H B Niê có thoả thuận xác nhận với nhau về việc ông Y H Niê, bà H B Niê còn nợ của bà Th số tiền 316.197.000 đồng, hẹn ngày 23/10/2022 trả; việc thoả thuận và xác lập giấy vay tiền giữa hai bên là có thật. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 23/12/2022 ông Y H Niê, bà H B Niê đã trả cả phê trả cho bà Th quy thành tiền là 18.688.000 đồng; sự việc này hai bên đều thừa nhận. Nên sau khi trừ số tiền 18.688.000 đồng thì ông Y H Niê, bà H B Niê còn nợ của bà Th số tiền 297.509.000 đồng nợ gốc, cho đến nay ông Y H Niê, bà H B Niê chưa trả là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tại phiên toà, ông Y H Niê, bà H B Niê xin trả thành nhiều lần, mỗi năm trả từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng, trả vào tháng 12 hàng năm nhưng bà Th không đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà Th, buộc ông Y H Niê, bà H B Niê phải trả cho bà Th số tiền nợ gốc 297.509.000 đồng phù hợp với quy định tại Điều 288, Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử xét thấy Giấy vay tiền chăm sóc cà phê thể hiện thời hạn trả nợ vào ngày 23/10/2022, lãi suất 1%/tháng nên

xác định thuộc trường hợp vay có thời hạn và có thỏa thuận về lãi suất quá hạn; căn cứ Điều 357, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tính đến ngày xét xử lãi được tính cụ thể như sau:

$316.197.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 02 \text{ tháng}$ (tính từ ngày 24/10/2022 đến ngày 23/12/2022) = 6.323.000 đồng (làm tròn).

$297.509.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 08 \text{ tháng}$ 25 ngày (tính từ ngày 24/12/2022 đến ngày 18/9/2023) = 26.279.000 đồng (làm tròn).

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn tính đến ngày xét xử là: 297.509.000 đồng + 6.323.000 đồng + 26.279.000 đồng = 330.111.000 đồng.

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận 1%/tháng quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Về chi phí trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký:

Do kết quả giám định kết luận là chữ viết, chữ ký của bị đơn ông Y H nên ông Y H phải hoàn trả cho bà Thoa tiền 6.000.000 đồng chi phí giám định chữ viết, chữ ký là phù hợp với quy định tại Điều 161, Điều 162 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông Y H Niê, bà H B Niê phải chịu số tiền 16.505.550 đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Th số tiền tạm 8.616.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là phù hợp với quy định tại Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 161; Điều 162 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 288; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Th.

Buộc bị đơn ông Y H Niê, bà H B Niê phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Th tổng số tiền 330.111.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu, một trăm mười một nghìn đồng).

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận 1%/tháng quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về chi phí trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký:

Buộc bị đơn ông Y H Niê phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim Th số tiền 6.000.000 đồng chi phí giám định chữ viết, chữ ký.

3. Về án phí:

Bị đơn ông Y H Niê, bà H B Niê phải chịu số tiền 16.505.550 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Th số tiền 8.616.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2021/0020772 ngày 14/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Thái Văn Hải